TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm

1. Căn cứ.

- Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản liên quan;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu.

2. Mục đích.

- Bổ sung/hoàn thiện bộ chỉ tiêu cảnh báo sớm và ngưỡng kích hoạt, bao gồm cả kịch bản hành động tương ứng nhằm nâng cao khả năng nhận diện sớm và phản ứng kịp thời.
- Chuẩn hóa kế hoạch hành động theo từng trường hợp được can thiệp sớm, trình bày theo ma trận "phương án – hành động – kết quả – đơn vị thực hiện – thời hạn", giúp thuận tiện triển khai, theo dõi và báo cáo tiến độ.
- Nâng cấp kịch bản khủng hoảng thanh khoản phù hợp với Kế hoạch dự phòng thanh khoản của ACB, trong đó quy định (i) phân tầng nguồn vốn rút và kế hoạch hành động, (ii) danh sách các loại tài sản bảo đảm và nguồn vốn, và (iii) bổ sung khung truyền thông khủng hoảng và tiêu chí kết thúc tình huống.
- Bổ sung các phụ lục, gồm danh mục tài sản có tính thanh khoản cao/tài sản bảo đảm và kênh huy động khẩn, danh mục hành động khắc phục và mẫu báo cáo khẩn, nhằm rút ngắn thời gian xử lý khi được can thiệp sớm.

3. Kiến nghị.

Hội đồng quản trị kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo dự thảo đính kèm.

Kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Hùng Huy

Đính kèm:

- Phụ lục 1: Các nội dung sửa đổi, bổ sung;
- Phụ lục 2: Dự thảo (sửa đổi, bổ sung) Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.

PHỤ LỤC 1: NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM

(Đính kèm Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm)

STT	Điều khoản điều chỉnh	Nội dung hiện hành	Nội dung thay đổi	Lý do
1	**Điều 1. Mục đích**	Nêu mục đích của Phương án khắc phục.	Bổ sung các mục tiêu trọng tâm của Phương án khắc phục.	Làm rõ mục tiêu để triển khai và giám sát.
2	**Điều 2. Phạm vi áp dụng**	Áp dụng cho ACB (không bao gồm các công ty con).	Bổ sung: "bao gồm cả trường hợp rủi ro rút tiền hàng loạt (nếu phát sinh)".	Mở rộng phạm vi để bao phủ tình huống rút tiền hàng loạt khi can thiệp sớm.
3	**Điều 3. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ**	Liệt kê các từ viết tắt và giải thích từ ngữ.	Bổ sung một số từ viết tắt	Phù hợp nội dung cập nhật.
4	**Điều 4. Căn cứ pháp lý, chuẩn mực áp dụng và quy định nội bộ**	Chưa có.	Bổ sung liệt kê các căn cứ (các văn bản quy định của NHNN và các văn bản nội bộ)	Tăng tính đầy đủ căn cứ và liên thông tài liệu nội bộ.
5	**Điều 5. Rà soát và điều chỉnh Phương án khắc phục**	Chưa có.	Quy định rõ định kỳ rà soát, nêu đầu mối tổng hợp.	Chuẩn hoá chu kỳ cập nhật.
6	**Điều 6. Trường hợp NHNN thực hiện can thiệp sớm**	Các trường hợp can thiệp sớm theo Luật các TCTD.	Bổ sung trường hợp NHNN yêu cầu.	Làm rõ cơ chế yêu cầu/giám sát của NHNN và thông tin đầu vào khi lập phương án.

STT	Điều khoản điều chỉnh	Nội dung hiện hành	Nội dung thay đổi	Lý do
7	**Điều 7. Các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với ACB khi được can thiệp sớm**	Chưa có.	Bổ sung Các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với ACB khi được can thiệp sớm.	Tách bạch và chuẩn hoá thành điều khoản độc lập để **dễ kích hoạt, triển khai, kiểm soát tuân thủ** khi NHNN yêu cầu/áp dụng biện pháp hạn chế.
8	**Điều 8. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm**	Nêu **nội dung chủ yếu** của phương án; **liệt kê biện pháp** theo các trường hợp can thiệp sớm và **lộ trình theo nhóm thời hạn.**	Bổ sung **nguyên tắc xây dựng & phạm vi áp dụng;** Bổ sung **cơ chế quản trị, kích hoạt, điều phối, báo cáo** bổ sung **thực trạng ACB** (mô hình quản trị và số liệu tại 31.12.2025); chuyển sang **ma trận hành động theo từng trường hợp** có **đơn vị phụ trách và thời hạn;** Bổ sung hướng dẫn vận hành cho **tình huống rút tiền hàng loạt** và **thứ tự ưu tiên biện pháp.**	Cụ thể hóa thành kế hoạch hành động để **dễ kích hoạt nhanh, phân công rõ, theo dõi tiến độ và báo cáo NHNN.**
9	**Điều 9. Biện pháp hỗ trợ Ngân hàng khi được can thiệp sớm**	Chưa có.	Bổ sung biện pháp hỗ trợ Ngân hàng khi được can thiệp sớm.	Chuẩn hoá cơ chế hỗ trợ thành điều khoản độc lập để triển khai thống nhất trong giai đoạn can thiệp sớm.

STT	Điều khoản điều chỉnh	Nội dung hiện hành	Nội dung thay đổi	Lý do
10	**Điều 10. Thực hiện Phương án khắc phục**	Chưa có.	Bổ sung điều riêng về thực hiện, báo cáo tiến độ theo yêu cầu NHNN, gia hạn/sửa đổi biện pháp hỗ trợ.	Hoàn thiện cách thực thi và ràng buộc báo cáo khi triển khai.
11	**Điều 11. Chấm dứt can thiệp sớm**	Chưa có.	Bổ sung các trường hợp chấm dứt can thiệp sớm.	Bổ sung điều kiện kết thúc trạng thái để quản trị vòng đời phương án.
12	**PHỤ LỤC 1-4**	Chưa có.	Bổ sung: **Phụ lục 1 Danh mục chỉ tiêu cảnh báo sớm & ngưỡng kích hoạt** Phụ lục 2 Danh mục tài sản thanh khoản/tài sản đảm bảo đủ điều kiện và kênh huy động khẩn Phụ lục 3 Danh mục hành động khắc phục Phụ lục 4 Mẫu báo cáo khẩn gửi NHNN/HĐQT	Chuẩn hoá bộ công cụ kèm theo để kích hoạt, theo dõi, báo cáo.

PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG ÁN KHẮC PHỤC DỰ KIẾN TRONG TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /TCQĐ-ĐHĐCĐ.26 ngày tháng năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Á Châu)

DỰ THẢO

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 2
Điều 1. Mục đích 2
Điều 2. Phạm vi áp dụng 2
Điều 3. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ 2
Điều 4. Căn cứ pháp lý, chuẩn mực áp dụng và quy định nội bộ 3
Điều 5. Rà soát và điều chỉnh Phương án khắc phục 3
CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ 4
Điều 6. Trường hợp NHNN thực hiện can thiệp sớm 4
Điều 7. Các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với ACB khi được can thiệp sớm 4
Điều 8. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm 5
Điều 9. Biện pháp hỗ trợ Ngân hàng khi được can thiệp sớm 11
Điều 10. Thực hiện Phương án khắc phục 12
Điều 11. Chấm dứt can thiệp sớm 12
CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 13
Điều 12. Hiệu lực thi hành 13
PHỤ LỤC 1 14
PHỤ LỤC 2 16
PHỤ LỤC 3 18
PHỤ LỤC 4 21

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1.1. Phương án quy định các biện pháp khắc phục nhằm xử lý tình trạng/điều kiện dẫn đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) áp dụng can thiệp sớm.

1.2. Mục tiêu trọng tâm: (i) đưa các tỷ lệ an toàn thanh khoản về mức tuân thủ; (ii) ổn định thanh khoản và duy trì khả năng chi trả; (iii) kiểm soát chất lượng tài sản và nợ xấu; (iv) củng cố vốn và năng lực tài chính; (v) tăng cường quản trị, kiểm soát nội bộ và kỷ luật tuân thủ.

1.3. Phương án là cơ sở để Ngân hàng phối hợp triển khai biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục, kiểm soát rủi ro lan truyền và củng cố niềm tin của NHNN, cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và đối tác.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

Phương án khắc phục áp dụng cho ACB (không bao gồm các công ty con) trong điều kiện NHNN can thiệp sớm, bao gồm cả trường hợp rủi ro rút tiền hàng loạt (nếu phát sinh).

Điều 3. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ

3.1 Các từ viết tắt

- ACB/Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu;
- *BĐH:* Ban điều hành;
- *Ban ATTK:* Ban an toàn thanh khoản;
- *CNTT:* Công nghệ thông tin;
- *ĐHĐCĐ:* Đại hội đồng cổ đông;
- *GTCG:* Giấy tờ có giá;
- *HĐQT*: Hội đồng quản trị của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu;
- *ILAAP*: Thủ tục đánh giá nội bộ về an toàn thanh khoản (Internal Liquidity Adequacy Assessment Process);
- *Kế hoạch DPTK*: Kế hoạch dự phòng thanh khoản;
- *Khối KHCN:* Khối Khách hàng cá nhân;
- *Khối KHDN:* Khối Khách hàng doanh nghiệp;
- *Khối TTTC*: Khối Thị trường tài chính;
- *Khối kinh doanh*: Khối KHCN, Khối KHDN và Khối TTTC;
- *Khối QLRR:* Khối Quản lý rủi ro;
- *LNH:* Liên ngân hàng;
- *NHNN:* Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- *Phương án khắc phục:* Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
- *TCTD*: Tổ chức tín dụng;
- *TPCP:* Trái phiếu Chính phủ.

3.2 Giải thích từ ngữ

a. *Can thiệp sớm* là việc NHNN áp dụng các yêu cầu/biện pháp hạn chế đối với TCTD và yêu cầu TCTD đó thực hiện phương án khắc phục dưới sự giám sát của NHNN nhằm khắc phục tình trạng theo quy định của pháp luật và Phương án này;

b. *Kế hoạch dự phòng thanh khoản* là tài liệu của ACB quy định ngưỡng/cấp độ căng thẳng, thẩm quyền kích hoạt, nhóm công tác, biện pháp ứng phó và chế độ báo cáo;

c. *Hoạt động ngân hàng* là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số nghiệp vụ gồm nhận tiền gửi, cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản;

d. *Rút tiền hàng loạt* là việc TCTD bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến TCTD có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN;

e. *Tổ chức tín dụng* là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân thực hiện một, một số hoặc tất cả hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật Các TCTD. TCTD bao gồm ngân hàng, TCTD phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân;

f. *Vốn điều lệ* là tổng số tiền do chủ sở hữu, thành viên góp vốn của TCTD là công ty trách nhiệm hữu hạn đã góp; là tổng mệnh giá cổ phần của TCTD là công ty cổ phần đã bán cho cổ đông.

Điều 4. Căn cứ pháp lý, chuẩn mực áp dụng và quy định nội bộ

- Luật Các TCTD và các văn bản hướng dẫn;
- Thông tư của NHNN quy định hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại;
- Thông tư của NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng;
- Thông tư của NHNN quy định xếp hạng TCTD;
- Kế hoạch DPTK;
- Thủ tục đánh giá nội bộ về an toàn thanh khoản;
- Thủ tục QLRR thanh khoản;
- Các quy định nội bộ liên quan đến quản trị rủi ro, quản trị vốn và kiểm soát nội bộ.

Điều 5. Rà soát và điều chỉnh Phương án khắc phục

5.1 Định kỳ tối thiểu 02 năm, ACB cập nhật và điều chỉnh Phương án khắc phục. Phương án sau cập nhật phải được ĐHĐCĐ thông qua và gửi NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.

5.2 Khi bị NHNN can thiệp sớm, trong vòng 7 ngày kể từ ngày được can thiệp sớm, ACB rà soát, cập nhật và trình HĐQT thông qua Phương án khắc phục, trong đó cập nhật các biện pháp khắc phục và thời hạn thực hiện (nếu cần) đảm bảo nhất quán với yêu cầu của NHNN, tình hình thị trường và nội bộ.

5.3 Khối QLRR là đầu mối tổng hợp, đề xuất cập nhật Phương án khắc phục, phối hợp các đơn vị liên quan và Ban ATTK (khi có căng thẳng thanh khoản) để bảo đảm hành động thống nhất.

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Trường hợp NHNN thực hiện can thiệp sớm

6.1 NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm khi ACB thuộc một hoặc một số trường hợp sau:

a. Số lỗ lũy kế lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra/kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Thống đốc NHNN;

b. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN;

c. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục;

d. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Thống đốc NHNN trong thời gian 06 tháng liên tục;

e. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN.

6.2 NHNN có văn bản yêu cầu ACB nếu thuộc một hoặc một số trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện một hoặc một số yêu cầu/biện pháp hạn chế với thời hạn thực hiện rõ ràng; đồng thời yêu cầu cập nhật, thực hiện ngay hoặc xây dựng Phương án khắc phục và thời hạn thông qua.

6.3 Trường hợp cần thiết, NHNN có thể yêu cầu ACB thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá thực trạng tài chính làm cơ sở xây dựng Phương án khắc phục.

Điều 7. Các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với ACB khi được can thiệp sớm

7.1 Các yêu cầu đối với ACB khi được can thiệp sớm gồm:

a. Tăng vốn điều lệ; tăng quy mô tài sản có tính thanh khoản cao và thực hiện các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng;

b. Cắt giảm chi phí hoạt động, chi phí quản lý, thù lao, lương, thưởng; yêu cầu bồi hoàn thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát;

c. Tăng cường quản trị rủi ro; tổ chức lại bộ máy quản trị, điều hành.

7.2 Các biện pháp hạn chế đối với ACB khi được can thiệp sớm gồm:

a. Không chia cổ tức, lợi tức, phân phối lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ; hạn chế chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, chuyển nhượng tài sản;

b. Hạn chế hoạt động kinh doanh không hiệu quả, có rủi ro cao; giảm giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, mua cổ phần; hạn chế tăng trưởng tín dụng;

c. Đình chỉ, tạm đình chỉ một hoặc một số hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác có dấu hiệu vi phạm pháp luật; không bổ sung nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh mới khác, không mở rộng mạng lưới hoạt động;

d. Đình chỉ người quản lý, người điều hành có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây rủi ro lớn đến hoạt động của Ngân hàng; yêu cầu bầu, bổ nhiệm thay thế người quản lý, người điều hành có hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây rủi ro lớn đến hoạt động của ACB khi được can thiệp sớm;

e. Biện pháp khác theo thẩm quyền của NHNN.

Điều 8. Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm

Phương án khắc phục gồm các nội dung chủ yếu sau:

8.1 Thông tin, đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh

Các nội dung chính của phần này dự kiến sẽ bao gồm các thông tin sau đây:

- Chiến lược kinh doanh.
- Mô hình kinh doanh hiện tại, gồm xác định các mảng kinh doanh, thị trường, sản phẩm chính.
- Những thay đổi trong kế hoạch kinh doanh ảnh hưởng đến mô hình kinh doanh hiện tại, gồm cả những thay đổi vận hành hoặc công tác quản trị.

Tại thời điểm Phương án khắc phục này được thông qua, ACB tự đánh giá về cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh như sau:

- Chiến lược kinh doanh theo định hướng tăng trưởng bền vững, an toàn và hiệu quả.
- Mô hình kinh doanh tập trung vào hoạt động ngân hàng bán lẻ với khả năng sinh lời cao và đảm bảo chất lượng tài sản tốt. Cụ thể, cuối năm 2025, huy động tiền gửi và phát hành GTCG chiếm 77% tổng nợ phải trả; về sử dụng vốn, ACB tập trung ở cho vay khách hàng, gửi LNH và đầu tư TPCP – lần lượt chiếm 67%, 15% và 5% tổng tài sản.
- ACB tiếp tục kiểm soát tốt chất lượng tín dụng, cải thiện tỷ trọng thu nhập từ phí trên doanh thu, nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng tăng cường giám sát việc thực hiện cam kết ESG với mục tiêu tăng trưởng tài chính bền vững.

8.2 Thực trạng tài chính và hoạt động

Các nội dung chính của phần này dự kiến sẽ bao gồm các thông tin sau đây:

- Đánh giá về tình hình cấp tín dụng, chất lượng tài sản, huy động vốn, hoạt động thanh toán và kết quả kinh doanh.
- Đánh giá hoạt động cấp tín dụng đối với các lĩnh vực có rủi ro cao.
- Dự phóng các chỉ tiêu tài chính quan trọng.
- Mô tả kế hoạch huy động vốn, bao gồm các nguồn huy động và kỳ hạn.
- Đề xuất những hành động nhằm đảm bảo khả năng huy động vốn.

Tại thời điểm Phương án khắc phục này được thông qua, ACB tự đánh giá về thực trạng tài chính và hoạt động như sau:

- Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đạt 19.5 ngàn tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế trong 5 năm qua đạt tốc độ tăng trưởng bình quân cao khoảng 13%.
- Tỷ lệ an toàn vốn ở mức 12.5% so với quy định tối thiểu 8% của NHNN.
- Ngoài ra, ACB tuân thủ chặt chẽ các quy định và hạn mức an toàn của NHNN. Về QLRR thanh khoản, tỷ lệ khả năng chi trả của ACB duy trì khá cao so với quy định của NHNN.

Cuối năm 2025, tỷ lệ dự phòng thanh khoản ở mức 14.7% (quy định NHNN tối thiểu 10%); ngoài ra tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày đối với VND ở mức 64% và đối với USD ở mức 1,014% so với quy định NHNN tối thiểu lần lượt ở mức 50% và 10%.

- ACB tiếp tục là một trong các ngân hàng bán lẻ có tỷ lệ ROE cao nhất trên thị trường. Đồng thời, ACB duy trì chất lượng tài sản tốt với tỷ lệ nợ xấu ở mức 0.97% – một trong những tỷ lệ thấp nhất ngành. Sự kết hợp giữa tỷ suất sinh lời cao và tỷ lệ nợ xấu thấp phản ánh chiến lược phát triển dài hạn và nền tảng vững chắc của Ngân hàng.

8.3 Những biện pháp triển khai nhằm khắc phục các trường hợp khi được can thiệp sớm

Phương án được xây dựng theo nguyên tắc (i) nhận diện sớm và kích hoạt kịp thời; (ii) có danh mục hành động khả thi, sẵn sàng triển khai; (iii) có cơ chế quản trị – giám sát – báo cáo rõ ràng; (iv) duy trì hoạt động liên tục, bảo vệ người gửi tiền và kiểm soát rủi ro lan truyền; (v) phù hợp quy định của NHNN; và (vi) nhất quán với Kế hoạch DPTK đối với các hành động liên quan thanh khoản/rút tiền hàng loạt.

8.3.1. Nguyên tắc và phạm vi áp dụng

Phương án áp dụng cho các trường hợp NHNN thực hiện can thiệp sớm quy định ở Điều 6.

Nguyên tắc triển khai: (i) hành động theo thứ tự ưu tiên, có thẩm quyền phê duyệt, người chịu trách nhiệm và thời hạn rõ ràng; (ii) kết hợp đồng thời biện pháp vốn – thanh khoản – chất lượng tài sản – quản trị – truyền thông khi cần; (iii) tuân thủ yêu cầu về báo cáo/giám sát của NHNN và các giới hạn pháp lý liên quan.

8.3.2. Cơ chế quản trị, kích hoạt và điều phối

a. **Cơ cấu quản trị:** HĐQT/Ủy ban QLRR giám sát tổng thể; Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức triển khai. Trường hợp phát sinh căng thẳng thanh khoản hoặc rút tiền hàng loạt, Tổng giám đốc/Trưởng Ban ATTK kích hoạt Kế hoạch DPTK và điều phối các nhóm công tác.

b. **Kích hoạt:** Trong vòng 24 giờ kể từ khi xác định thuộc một trong các trường hợp quy định ở Điều 6.1, Tổng giám đốc thực hiện: (i) xác nhận nguyên nhân gốc rễ; (ii) xác định phạm vi kích hoạt; (iii) lựa chọn gói biện pháp ưu tiên; (iv) tăng tần suất báo cáo; (v) phân công đầu mối chịu trách nhiệm theo từng nhóm hành động.

c. **Báo cáo:** Thực hiện báo cáo khẩn/định kỳ gửi NHNN theo yêu cầu văn bản can thiệp sớm; đồng thời báo cáo HĐQT/Ủy ban QLRR về diễn biến, nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng, tiến độ/hiệu quả của các biện pháp khắc phục, rủi ro phát sinh và kiến nghị điều chỉnh.

8.3.3 Các biện pháp khắc phục theo từng trường hợp can thiệp sớm

a. Trường hợp (a): Lỗ lũy kế > 15% vốn điều lệ và các quỹ dự trữ, đồng thời vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Stt	Phương án	Hành động	Kết quả	Đơn vị phụ trách	Thời hạn
1	Phục hồi vốn	Lập, trình phê duyệt Kế hoạch phục hồi vốn tổng thể; xác định lộ trình cải thiện tỷ	Kế hoạch được phê duyệt; lộ trình cải thiện tỷ lệ an toàn vốn rõ	HĐQT Ủy ban QLRR TGĐ	0–30 ngày

Stt	Phương án	Hành động	Kết quả	Đơn vị phụ trách	Thời hạn
		lệ an toàn vốn theo mốc 3–6–12 tháng và cơ chế giám sát	ràng; tăng tần suất báo cáo/giám sát	Hội đồng Quản lý vốn	
2	Tăng vốn	Tăng vốn điều lệ và/hoặc phát hành công cụ vốn cấp 2 theo quy định; chuẩn bị hồ sơ, phương án truyền thông cho cổ đông (nếu cần)	Nguồn vốn bổ sung được huy động/hoàn tất thủ tục; tỷ lệ an toàn vốn cải thiện theo lộ trình	HĐQT TGĐ Hội đồng Quản lý vốn	30–360 ngày
3	Giảm tài sản có rủi ro	Rà soát danh mục tài sản có rủi ro; hạn chế/tạm dừng tăng trưởng phân khúc rủi ro cao; cân đối danh mục sang tài sản rủi ro thấp; thoái/giảm đầu tư không cốt lõi (nếu cần)	Tài sản có rủi ro giảm/ không tăng vượt kế hoạch; tỷ lệ an toàn vốn cải thiện	TGĐ Hội đồng Quản lý vốn	0–180 ngày
4	Cải thiện chất lượng tài sản	Tăng cường thu hồi nợ, xử lý nợ xấu; rà soát phân loại nợ và trích lập dự phòng; tối ưu xử lý tài sản bảo đảm/bán nợ theo quy định	Chất lượng tài sản cải thiện; nợ xấu giảm theo mục tiêu; dự phòng trích lập đầy đủ theo quy định	TGĐ Phòng Quản lý nợ Khối Kinh doanh Khối Tài chính Khối QLRR	30–360 ngày
5	Cải thiện lợi nhuận – chi phí	Cắt giảm chi phí không thiết yếu; tối ưu hoạt động/mạng lưới theo kế hoạch; điều chỉnh định giá sản phẩm theo rủi ro; quản trị biên sinh lời và thu nhập lãi thuần phù hợp	Tỷ lệ chi phí so với thu nhập và kết quả kinh doanh cải thiện; giảm tốc độ tăng lỗ lũy kế	TGĐ Khối Tài chính Khối Kinh doanh	30–180 ngày
6	Nâng cao công tác quản trị	Rà soát nguyên nhân gốc rễ dẫn đến lỗ lũy kế/vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu; tăng kỷ luật quản trị rủi ro; tăng tần suất báo cáo HĐQT/Ủy ban QLRR và NHNN; kiểm tra độc lập/thuê tư vấn (nếu cần)	Nguyên nhân gốc rễ được khắc phục; không tái diễn vi phạm trọng yếu; báo cáo đúng hạn	TGĐ Hội đồng Quản lý vốn Hội đồng rủi ro	0–90 ngày

b. Trường hợp (b): Xếp hạng dưới mức trung bình

Stt	Phương án	Hành động	Kết quả	Đơn vị phụ trách	Thời hạn
1	Đánh giá nguyên nhân gốc rễ	Rà soát nguyên nhân suy giảm xếp hạng theo các cấu phần; lập báo cáo nguyên nhân gốc rễ và kế hoạch khắc phục theo cấu phần	Báo cáo nguyên nhân gốc rễ và kế hoạch khắc phục được phê duyệt; xác định mục tiêu khắc phục	Khối QLRR Khối Tài chính	0–30 ngày
2	Chương trình khắc phục	Triển khai chương trình khắc phục theo cấu phần; theo dõi tình hình thực hiện theo tuần/tháng; đưa ra cơ chế xử lý khi chậm tiến độ	Mục tiêu khắc phục đạt theo tiến độ; cải thiện cấu phần xếp hạng theo kỳ đánh giá tiếp theo	HĐQT Ủy ban QLRR TGĐ Khối QLRR Khối Tài chính	30–180 ngày

Stt	Phương án	Hành động	Kết quả	Đơn vị phụ trách	Thời hạn
3	Khắc phục tồn tại thanh tra/ kiểm toán	Đóng khuyến nghị theo kết luận thanh tra/kiểm toán; củng cố hệ thống kiểm soát nội bộ và tuân thủ	Hoàn tất khuyến nghị theo kế hoạch; không tái phạm trọng yếu	Khối QLRR Ban KTNB	30–360 ngày
4	Điều chỉnh chiến lược theo khẩu vị rủi ro	Kiểm soát tăng trưởng; giảm tập trung theo ngành/nhóm khách hàng; nâng chuẩn thẩm định và giám sát sau giải ngân; rà soát giới hạn rủi ro	Giới hạn rủi ro tuân thủ; chất lượng tài sản và thanh khoản cải thiện	Khối KHCN Khối KHDN Khối TTTC Khối Tài chính Khối QLRR	30–360 ngày

c. Trường hợp (c): Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày liên tục

Stt	Phương án	Hành động	Kết quả	Đơn vị phụ trách	Thời hạn
1	Kích hoạt Kế hoạch DPTK	Xác định cấp độ căng thẳng theo ngưỡng cảnh báo; kích hoạt Kế hoạch DPTK	Kế hoạch kích hoạt đúng thẩm quyền; tăng tần suất giám sát, báo cáo chỉ tiêu thanh khoản	TGĐ/Trưởng Ban ATTK	0–48 giờ
2	Tạo nguồn thanh khoản	Tăng tài sản thanh khoản cao; repo/cầm cố GTCG; huy động LNH; đề nghị hỗ trợ thanh khoản từ NHNN	Khả năng chi trả cải thiện; số ngày có thể tự đáp ứng nhu cầu thanh khoản tăng lên	Nhóm nguồn vốn Nhóm tài chính Nhóm báo cáo	0–30 ngày
3	Giảm nhu cầu vốn	Giảm/giãn giải ngân; ưu tiên thu nợ; kiểm soát dòng tiền ra; giãn các khoản chi không thiết yếu	Dòng tiền ra giảm; chỉ tiêu khả năng chi trả trở lại tuân thủ	Nhóm khách hàng Nhóm nguồn vốn	0–30 ngày
4	Truyền thông	Triển khai thông điệp thống nhất theo kịch bản; kiểm soát tin đồn; phối hợp cơ quan công quyền (nếu cần)	Tâm lý khách hàng ổn định; huy động phục hồi/ổn định	Nhóm truyền thông Nhóm công quyền	Theo phát sinh

d. Trường hợp (d): Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu trong 06 tháng liên tục

Stt	Phương án	Hành động	Kết quả	Đơn vị phụ trách	Thời hạn
1	Kế hoạch khôi phục tỷ lệ an toàn vốn theo giai đoạn	Lập, trình phê duyệt kế hoạch khôi phục tỷ lệ an toàn vốn theo mốc 3–6–12 tháng; thiết lập mục tiêu thực hiện và cơ chế giám sát	Kế hoạch được phê duyệt; mục tiêu thực hiện theo giai đoạn đạt tiến độ; tỷ lệ an toàn vốn cải thiện	HĐQT Ủy ban QLRR TGĐ Hội đồng Quản lý vốn	0–30 ngày
2	Hạn chế phân phối lợi nhuận và kiểm soát tài sản có rủi ro	Hạn chế phân phối lợi nhuận/cổ tức; hạn chế mở rộng hoạt động rủi ro cao đến khi tỷ lệ an toàn vốn phục hồi	Tỷ lệ an toàn vốn phục hồi bền vững; giảm áp lực vốn	HĐQT Ủy ban QLRR TGĐ Hội đồng Quản lý vốn	0–360 ngày

Stt	Phương án	Hành động	Kết quả	Đơn vị phụ trách	Thời hạn
3	Tăng vốn	Triển khai phương án tăng vốn/công cụ vốn theo lộ trình; làm việc với cổ đông/nhà đầu tư chiến lược (nếu áp dụng)	Vốn tự có được bổ sung; tỷ lệ an toàn vốn cao hơn mức tối thiểu	HĐQT Ủy ban QLRR TGĐ Hội đồng Quản lý vốn	90–360 ngày

e. Trường hợp (e): Rút tiền hàng loạt (đã báo cáo NHNN)

Stt	Phương án	Hành động	Kết quả	Đơn vị phụ trách	Thời hạn
1	Kích hoạt Kế hoạch DPTK Cấp độ 3 (khủng hoảng thanh khoản)	Kích hoạt Cấp độ 3; triệu tập Ban ATTK; phân công nhóm công tác (Nguồn vốn, Điều quỹ, Báo cáo, Truyền thông, Công quyền, CNTT, Tổng hợp)	Triển khai cơ chế xử lý khủng hoảng thanh khoản; phân công rõ trách nhiệm; tăng tần suất giám sát, báo cáo	Trưởng Ban ATTK (TGĐ) Ban ATTK	0–24 giờ
2	Đánh giá & dự báo thanh khoản	Đo lường dòng tiền; ước tính số ngày có khả năng đáp ứng nhu cầu thanh khoản; rà soát các tài sản thanh khoản cao; xác định tình hình rút tiền theo kênh/đơn vị/nhóm khách hàng	Báo cáo đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu chi trả; kịch bản nguồn – sử dụng vốn được cập nhật	Nhóm báo cáo Nhóm nguồn vốn	0–24 giờ
3	Tạo nguồn thanh khoản	Repo/cầm cố GTCG; huy động LNH; đề nghị NHNN hỗ trợ thanh khoản; bán/tái cơ cấu một phần tài sản thanh khoản (khi điều kiện cho phép)	Duy trì khả năng chi trả; giảm áp lực dòng tiền ra ròng; số ngày có thể đáp ứng nhu cầu thanh khoản tăng theo mục tiêu	Nhóm nguồn vốn Nhóm tài chính Nhóm báo cáo	0–7 ngày
4	Điều quỹ – vận hành chi trả	Tăng tồn quỹ tại điểm giao dịch và điều quỹ; kiểm soát dòng tiền ra; bảo đảm an ninh kho quỹ/điểm giao dịch; xử lý ưu tiên giao dịch chi trả	Không phát sinh thiếu hụt tiền mặt; vận hành ổn định	Nhóm điều quỹ Nhóm an ninh/ hậu cần	0–7 ngày
5	Ổn định khách hàng & truyền thông	Triển khai thông điệp truyền thông thống nhất; kiểm soát tin đồn; cập nhật danh sách khách hàng trọng yếu và kế hoạch chăm sóc/giữ chân; phối hợp cơ quan công quyền	Tốc độ rút tiền giảm; huy động ổn định/khôi phục; giảm lan truyền tin đồn	Nhóm truyền thông Nhóm công quyền Nhóm khách hàng	0–30 ngày
6	Ổn định hệ thống & kiểm soát an toàn thông tin	Bảo đảm hệ thống ATM/giao dịch trực tuyến hoạt động ổn định; tăng năng lực xử lý; giám sát giao dịch bất thường và an toàn thông tin	Không gián đoạn trọng yếu; cảnh báo giao dịch bất thường/an toàn thông tin kịp thời	Nhóm công nghệ thông tin	0–30 ngày
7	Phục hồi & hoàn trả các nguồn vốn hỗ trợ	Lập kế hoạch hoàn trả các nguồn hỗ trợ (NHNN/đối tác LNH); tăng vùng đệm thanh khoản; điều chỉnh kế hoạch kinh doanh	Hoàn trả theo kế hoạch; chỉ tiêu thanh khoản tuân thủ bền vững	Nhóm nguồn vốn	31–180 ngày

Một số lưu ý trong thời gian triển khai Phương án khắc phục:

a. Phân tầng nguồn vốn rút và nhóm khách hàng trọng yếu

❖ Phân tầng theo phân khúc và kênh rút tiền (theo ngày/T+0)

- KHCN: rút tại quầy/ATM/ngân hàng số, theo cụm chi nhánh/địa bàn, theo sản phẩm (tiền gửi không kỳ hạn/tiền gửi có kỳ hạn).
- Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME): rút theo tài khoản thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn, theo ngành/chuỗi, theo mức độ phụ thuộc vào dòng tiền thanh toán.
- Doanh nghiệp lớn/định chế: rút theo danh sách khách hàng tiền gửi trọng yếu, theo nhóm liên quan, theo giao dịch giá trị lớn.

❖ **Danh sách khách hàng tiền gửi trọng yếu và cơ chế duy trì huy động**

- Duy trì danh sách Top N khách hàng tiền gửi và khách hàng có khả năng tạo hiệu ứng lan truyền, cập nhật tối thiểu hàng ngày trong giai đoạn căng thẳng.
- Lập tổ tác chiến khách hàng trọng yếu (Khối KHCN/KHDN + Khối TTTC + Khối QLRR + Vận hành/Pháp chế/Truyền thông khi cần) để tiếp cận sớm, xác minh nguyên nhân rút, đề xuất gói duy trì/phương án thanh toán thay thế.

❖ **Cơ chế điều phối**

- Phân bổ hạn mức chi trả theo điểm giao dịch/địa bàn, tăng tồn quỹ, bố trí lực lượng hỗ trợ giao dịch và an ninh, ưu tiên xử lý giao dịch giá trị lớn theo quy trình phê duyệt nhanh.

b. Sẵn sàng tài sản bảo đảm và nguồn vốn khẩn

❖ Danh mục tài sản thanh khoản/tài sản bảo đảm khả dụng đủ điều kiện và nguyên tắc sử dụng

- Duy trì danh mục tài sản thanh khoản và tài sản bảo đảm đủ khả dụng điều kiện cầm cố/giao dịch mua bán lại.
- Chuẩn bị sẵn nguồn lực: hoàn thiện sẵn hồ sơ pháp lý/định giá/đăng ký giao dịch bảo đảm (nếu áp dụng) để rút ngắn thời gian tiếp cận nguồn vốn.

❖ Danh mục kiểm tra hồ sơ repo/OMO/tái cấp vốn/vay đặc biệt từ NHNN

- Hồ sơ giao dịch: hợp đồng, danh mục GTCG đủ điều kiện, hồ sơ cầm cố, đầu mối liên hệ đối tác/NHNN.
- Thiết lập phương án thay thế khi đối tác giảm quy mô giao dịch hoặc tăng yêu cầu tài sản bảo đảm.

❖ **Kế hoạch huy động khẩn theo thứ tự ưu tiên**

- T+0 đến T+1: điều chuyển nội bộ/tăng tồn quỹ + repo + vay LNH ngắn hạn.
- T+1 đến T+7: tiếp cận cơ chế hỗ trợ của NHNN + mở rộng repo + huy động khách hàng.
- T+7 trở đi: biện pháp cấu trúc (bán/thoái tài sản, tái cơ cấu danh mục, điều chỉnh tăng trưởng).

c. Truyền thông khủng hoảng và phối hợp cơ quan công quyền

❖ **Thông điệp theo kịch bản**

- Khẳng định năng lực chi trả và các nguồn lực thanh khoản, nhấn mạnh tính liên tục hoạt động và cam kết phục vụ khách hàng.
- Thống nhất một nguồn thông tin chính thức, kiểm soát tin đồn và thông tin sai lệch.

❖ **Người phát ngôn và cơ chế phê duyệt nhanh**

- Chỉ định người phát ngôn, áp dụng luồng phê duyệt nhanh thông điệp (Truyền thông → Pháp chế/Tuân thủ → TGĐ/được ủy quyền) để thực hiện trong ngày.

❖ **Phối hợp NHNN/cơ quan công quyền**

- Thực hiện báo cáo khẩn theo mẫu và cập nhật theo tần suất yêu cầu; phối hợp NHNN chi nhánh địa phương trong điều phối thông tin và ổn định thị trường.

❖ **Chỉ tiêu điều hành và tiêu chí kết thúc tình huống**

- Tốc độ rút ròng giảm về dưới ngưỡng cảnh báo, số ngày có khả năng tự đáp ứng nhu cầu thanh khoản lớn hơn ngưỡng an toàn, tỷ lệ khả năng chi trả trở lại tuân thủ, huy động/nguồn vốn ổn định, không phát sinh quy mô rút tiền lớn.
- Khi đạt tiêu chí kết thúc, trưởng ban ATTK thông báo kết thúc giai đoạn khủng hoảng thanh khoản và tiếp tục tăng tần suất giám sát.

Điều 9. Biện pháp hỗ trợ Ngân hàng khi được can thiệp sớm

9.1 Trong thời gian thực hiện Phương án khắc phục, Ngân hàng khi được can thiệp sớm được áp dụng biện pháp hỗ trợ sau đây sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:

a. Lộ trình tuân thủ một hoặc một số giới hạn, tỷ lệ quy định tại Điều 136 và Điều 138 của Luật Các TCTD;

b. Khi thực hiện giải pháp tăng vốn điều lệ theo Phương án khắc phục, cổ đông, thành viên góp vốn được sở hữu cổ phần, phần vốn góp vượt giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp quy định tại Điều 63 và Điều 77 của Luật Các TCTD. Cổ đông, thành viên góp vốn phải có lộ trình giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp để tuân thủ giới hạn.

9.2 Trong thời gian thực hiện Phương án khắc phục, Ngân hàng khi được can thiệp sớm có lỗ lũy kế lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ngoài các biện pháp quy định tại khoản 1 Điều này, được áp dụng thêm một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:

a. Trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm thì số tiền trích lập dự phòng rủi ro bằng chênh lệch thu chi;

b. Trường hợp Ngân hàng có lãi phải thu phải thoái thì được phân bổ lãi phải thu phải thoái theo năng lực tài chính trên nguyên tắc tổng mức phân bổ lãi phải thu phải thoái và số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro bằng chênh lệnh thu chi từ kết quả

kinh doanh hằng năm của Ngân hàng. Thời gian phân bổ lãi phải thu phải thoái tối đa 05 năm kể từ ngày được NHNN chấp thuận và chỉ áp dụng cho khoản phải thu phát sinh đến thời điểm NHNN có văn bản can thiệp sớm. Chính phủ quy định trường hợp TCTD có thời gian phân bổ lãi phải thu phải thoái lớn hơn 05 năm nhưng không quá 10 năm trong trường hợp cần thiết.

c. Biện pháp khác theo thẩm quyền của NHNN.

Điều 10. Thực hiện Phương án khắc phục

10.1 ACB thực hiện Phương án khắc phục sau khi được thông qua.

10.2 Trong quá trình thực hiện Phương án khắc phục, Ngân hàng báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện Phương án khắc phục theo yêu cầu của NHNN.

10.3 Trường hợp gia hạn thời hạn thực hiện Phương án khắc phục, ACB thực hiện quy định tại Điều 5.

10.4 Trường hợp sửa đổi, bổ sung các biện pháp hỗ trợ, ACB trình NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

10.5 Trong thời gian thực hiện Phương án khắc phục, trường hợp có TCTD nhận sáp nhập, hợp nhất, ACB khi được can thiệp sớm thực hiện sáp nhập, hợp nhất theo quy định về tổ chức lại TCTD tại Điều 201 của Luật Các TCTD.

10.6 Trong thời gian thực hiện Phương án khắc phục, trường hợp chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, tăng vốn điều lệ dẫn đến chuyển đổi hình thức pháp lý của Ngân hàng khi được can thiệp sớm thì việc chuyển đổi hình thức pháp lý thực hiện theo quy định tại Điều 201 của Luật Các TCTD. Cụ thể, Điều 201 quy định (i) TCTD được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, chuyển đổi loại hình TCTD phi ngân hàng sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản; đồng thời (ii) Thống đốc NHNN quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại TCTD.

Điều 11. Chấm dứt can thiệp sớm

Ngân hàng chấm dứt được can thiệp sớm trong các trường hợp sau đây:

11.1 ACB đã khắc phục tình trạng dẫn đến can thiệp sớm và NHNN có văn bản chấm dứt can thiệp sớm;

11.2 NHNN có văn bản chấp thuận sáp nhập, hợp nhất với TCTD khác theo quy định tại Điều 201 của Luật Các TCTD;

11.3 Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định giải thể, phá sản Ngân hàng theo quy định pháp luật;

11.4 NHNN có quyết định đặt Ngân hàng vào kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 162 của Luật Các TCTD.

CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm có hiệu lực kể từ ngày ……..... Mọi sửa đổi, bổ sung Phương án khắc phục dự kiến thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề xuất của HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Trần Hùng Huy

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CHỈ TIÊU CẢNH BÁO SỚM & NGƯỠNG KÍCH HOẠT

Thiết lập tối thiểu 03 mức: Mức 1 (Cảnh báo) – Mức 2 (Hành động) – Mức 3 (Khủng hoảng/Can thiệp sớm). Khi chỉ tiêu cảnh báo sớm chạm ngưỡng, triển khai Phương án khắc phục và/hoặc kích hoạt Kế hoạch DPTK theo thẩm quyền.

Nhóm	Chỉ tiêu cảnh báo	Giải thích chỉ tiêu	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tần suất	Đơn vị theo dõi
Vốn	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định NHNN	Vượt ngưỡng cảnh báo nội bộ	Vi phạm ngưỡng nội bộ	Vi phạm Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định NHNN (≥06 tháng)/thuộc diện can thiệp sớm	Tháng/tuần	Khối Tài chính Khối QLRR
	Lỗ lũy kế	Lỗ lũy kế/(Vốn điều lệ + quỹ dự trữ)	Tăng nhanh, vượt cảnh báo	Vượt ngưỡng hành động	>15% và đồng thời vi phạm Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (trường hợp a)	Tháng	Khối Tài chính Khối QLRR
Thanh khoản	Tỷ lệ khả năng chi trả	Theo quy định NHNN/nội bộ	Chạm mức cảnh báo nội bộ	Chạm hạn mức nội bộ hoặc suy giảm nhanh	Vi phạm 30 ngày liên tục (trường hợp c) / Kế hoạch DPTK Cấp độ 3	Ngày/tuần	Khối QLRR
	Số ngày có khả năng đáp ứng nhu cầu thanh khoản	Số ngày duy trì khả năng thanh khoản theo kịch bản căng thẳng	Giảm dưới mức cảnh báo	Giảm dưới hành động	Giảm mạnh, nguy cơ mất khả năng chi trả / rút tiền hàng loạt	Ngày	Khối QLRR
	Huy động giảm	Tổng số dư huy động tiền gửi quy VND	Vượt ngưỡng Cấp độ 1 theo Kế hoạch DPTK	Vượt ngưỡng Cấp độ 2	Rút tiền hàng loạt đã báo cáo NHNN (trường hợp e)	Ngày	Khối KHCN/KHDN Khối QLRR

Nhóm	Chỉ tiêu cảnh báo	Giải thích chỉ tiêu	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tần suất	Đơn vị theo dõi
Chất lượng tài sản	Nợ xấu	Nợ xấu	Tăng mạnh so với kế hoạch	Vượt ngưỡng nội bộ	Ảnh hưởng đáng kể vốn/xếp hạng; yêu cầu can thiệp sớm	Tháng	Khối QLRR Khối KHCN Khối KHDN
Lợi nhuận	NIM/NII/CIR	Chỉ tiêu hiệu quả & thu nhập	Suy giảm bất thường	Suy giảm kéo dài; lệch lớn so kế hoạch	Đe dọa bù đắp dự phòng/vốn	Tháng	Khối Tài chính Khối QLRR
Thị trường/uy tín	Chi phí huy động & Chênh lệch lãi suất	Cạnh tranh lãi suất huy động trên thị trường	Tăng nhanh, vượt cảnh báo	Tăng mạnh, mất cạnh tranh/khó huy động	Mất khả năng huy động; khuếch đại rút tiền	Tuần/ngày	Khối Kinh doanh Khối QLRR
Vận hành/ CNTT	Gián đoạn kênh giao dịch	ATM/Internet banking/Mobile banking; sự cố hệ thống	Sự cố lặp lại/tăng tần suất	Gián đoạn diện rộng; rủi ro tăng	Sự cố nghiêm trọng làm khuếch đại rút tiền	Ngày	Nhóm CNTT Khối QLRR
Quản trị/tuân thủ	Kết luận thanh tra/kiểm toán	Tồn tại trọng yếu; tiến độ khắc phục	Chậm tiến độ	Không đáp ứng yêu cầu/khuyến nghị	Tác động xếp hạng < trung bình (trường hợp b)	Tháng	Khối QLRR Ban KTNB

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC TÀI SẢN THANH KHOẢN/TÀI SẢN ĐẢM BẢO ĐỦ ĐIỀU KIỆN VÀ KÊNH HUY ĐỘNG KHẨN

B.1. Danh mục tài sản thanh khoản cao và tài sản đủ điều kiện repo/cầm cố

Nhóm tài sản	Cấu phần	Mục đích sử dụng	Điều kiện/ghi chú	Đơn vị quản lý
Tiền mặt & tiền gửi tại NHNN	Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại NHNN	Chi trả tức thời	Ưu tiên 0–7 ngày	Nhóm nguồn vốn
Tín phiếu/ TPCP	TPCP, tín phiếu NHNN, GTCG được NHNN chấp nhận	Giao dịch mua bán lại (repo) Nghiệp vụ thị trường mở (OMO) Bán (out-right)	Tài sản sẵn sàng; tỷ lệ chiết khấu tài sản bảo đảm cập nhật	
GTCG khác đủ điều kiện	Trái phiếu đủ điều kiện cầm cố/repo	Giao dịch mua bán lại (repo) với đối tác	Tùy thuộc tài sản đủ điều kiện; phụ thuộc tình hình thanh khoản	
Tài sản đủ điều kiện hỗ trợ của NHNN (nếu cần)	Theo quy định NHNN	Tái cấp vốn/chiết khấu/vay đặc biệt	Chuẩn hóa hồ sơ pháp lý	
Thanh khoản thứ cấp	Danh mục bán được, tài sản không cốt lõi	Bán/thoái để thu tiền	Tác động bảng thu nhập-chi phí; điều kiện thị trường	

B.2. Các kênh huy động khẩn cấp

Kênh	Mô tả	Thời gian kích hoạt	Điều kiện tiên quyết	Đơn vị đầu mối
NHNN	Vay OMO Giao dịch mua bán lại (repo) Tái cấp vốn Vay đặc biệt	T+0 đến T+2	TSĐB đủ điều kiện; hồ sơ sẵn sàng	Nhóm nguồn vốn Nhóm báo cáo
Liên ngân hàng	Vay qua đêm/kỳ hạn Vay tín chấp/thế chấp	T+0 đến T+3	Tình hình thanh khoản trên thị trường	Nhóm nguồn vốn
Giao dịch mua bán lại (repo) trên thị trường	Giao dịch mua bán lại (repo) TPCP/GTCG với đối tác	T+1 đến T+5	Hợp đồng khung; tỷ lệ chiết khấu tài sản bảo đảm	Nhóm nguồn vốn

Kênh	Mô tả	Thời gian kích hoạt	Điều kiện tiên quyết	Đơn vị đầu mối
Huy động khách hàng	Chiến dịch huy động; giữ chân khách hàng trọng yếu; kiểm soát lãi suất huy động	T+1 đến T+30	Kịch bản truyền thông; phê duyệt lãi suất huy động	Nhóm khách hàng Nhóm truyền thông
Bán tài sản/thoái vốn	Bán GTCG/đầu tư; thoái tài sản không cốt lõi	T+3 đến T+30	Đánh giá tác động thu nhập - chi phí	Nhóm nguồn vốn
Hoán đổi ngoại tệ	Hoán đổi ngoại tệ lấy VND	T+1 đến T+7	Tình hình thanh khoản và chi phí hoán đổi trên thị trường	Nhóm nguồn vốn

PHỤ LỤC 3
DANH MỤC HÀNH ĐỘNG KHẮC PHỤC

1. Nhóm vốn

Stt	Hành động	Tác động kỳ vọng	Khả thi & phụ thuộc	Thời gian thực thi
1	Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tăng tùy quy mô phát hành và tài sản có rủi ro	Phụ thuộc điều kiện thị trường; phê duyệt HĐQT/ĐHĐCĐ và chấp thuận theo quy định; giới hạn sở hữu	3 đến 9 tháng
2	Phát hành công cụ vốn cấp 2	Tỷ lệ an toàn vốn tăng tùy quy mô phát hành	Phụ thuộc thị trường trái phiếu; nhà đầu tư; định mức tín nhiệm; điều kiện pháp lý	1 đến 6 tháng
3	Giữ lại lợi nhuận/điều chỉnh chính sách cổ tức	Tỷ lệ an toàn vốn cải thiện dần theo lợi nhuận tích lũy; tăng vùng đệm vốn	Phụ thuộc kết quả kinh doanh; quyết định HĐQT/ĐHĐCĐ	Tức thời đến 12 tháng

2.2. Nhóm thanh khoản

Stt	Hành động	Tác động kỳ vọng	Khả thi & phụ thuộc	Thời gian thực hiện
1	Giao dịch mua bán lại (repo)/cầm cố TPCP, GTCG đủ điều kiện	Tỷ lệ khả năng chi trả và số ngày có khả năng đáp ứng nhu cầu thanh khoản tăng	Phụ thuộc danh mục tài sản khả dụng đủ điều kiện; điều kiện thị trường; tỷ lệ chiết khấu tài sản bảo đảm	T+0 đến T+3
2	Vay LNH (tín chấp/thế chấp)	Số ngày có khả năng đáp ứng nhu cầu chi trả tăng	Phụ thuộc hạn mức đối tác; điều kiện thị trường; tài sản bảo đảm (nếu có)	T+0 đến T+2
3	Đề nghị NHNN hỗ trợ thanh khoản theo cơ chế phù hợp (nghiệp vụ thị trường mở/tái cấp vốn/vay đặc biệt)	Ổn định khả năng chi trả; kéo dài đáng kể số ngày có khả năng đáp ứng nhu cầu thanh khoản	Phụ thuộc chấp thuận NHNN; tài sản bảo đảm đủ điều kiện; hồ sơ pháp lý; mức độ hỗ trợ của NHNN	T+1 đến T+5
4	Điều chỉnh lãi suất huy động có kiểm soát/ chiến dịch duy trì nguồn vốn	Giảm tốc độ rút tiền; ổn định dòng tiền ra	Phụ thuộc cạnh tranh thị trường và lãi suất huy động; tác động chi phí vốn và biên sinh lời	1 đến 14 ngày

2.3. Nhóm tối ưu tài sản có rủi ro

Stt	Hành động	Tác động kỳ vọng	Khả thi & phụ thuộc	Thời gian thực hiện
1	Điều chỉnh cơ cấu tăng trưởng tín dụng (giảm phân khúc rủi ro cao)	Tài sản có rủi ro ổn định/giảm; tỷ lệ an toàn vốn cải thiện gián tiếp	Phụ thuộc chiến lược kinh doanh; cam kết khách hàng; hạn mức tăng trưởng tín dụng; điều kiện thị trường	1 đến 3 tháng
2	Tăng cường thu hồi nợ/xử lý nợ xấu; quản lý danh mục rủi ro cao	Giảm tài sản có rủi ro; giảm chi phí dự phòng	Phụ thuộc thị trường tài sản bảo đảm; tiến độ pháp lý; năng lực xử lý/thu hồi	3 đến 12 tháng
3	Bán/thoái tài sản không cốt lõi; tái cơ cấu danh mục đầu tư	Tỷ lệ an toàn vốn tăng và/hoặc giảm tài sản có rủi ro	Phụ thuộc thanh khoản thị trường và định giá; tác động lợi nhuận	1 đến 6 tháng

2.4. Nhóm cải thiện lợi nhuận – chi phí

Stt	Hành động	Tác động kỳ vọng	Khả thi & phụ thuộc	Thời gian thực hiện
1	Cắt giảm chi phí không thiết yếu; tối ưu chi phí hoạt động	Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) giảm; cải thiện lợi nhuận và khả năng tạo vốn	Phụ thuộc cam kết nội bộ; cần kiểm soát ảnh hưởng đến vận hành	1 đến 6 tháng
2	Tối ưu định giá theo rủi ro; điều chỉnh cơ cấu sản phẩm	Biên sinh lời/thu nhập lãi thuần cải thiện	Phụ thuộc cạnh tranh; hành vi khách hàng; phê duyệt lãi suất sản phẩm	1 đến 3 tháng

2.5. Nhóm ứng phó rút tiền hàng loạt

Stt	Hành động	Tác động kỳ vọng	Khả thi & phụ thuộc	Thời gian thực hiện
1	Kích hoạt Kế hoạch DPTK Cấp độ 3 và thiết lập điều phối tập trung (Ban ATTK/ nhóm công tác)	Tăng hiệu quả điều phối; giảm rủi ro lan truyền; rút ngắn thời gian ra quyết định	Cơ chế trực chiến; kỷ luật thực thi	T+0
2	Điều chuyển tiền mặt; tăng lượng tồn quỹ tại điểm giao dịch trọng yếu	Duy trì chi trả; giảm nguy cơ gián đoạn dịch vụ	Phụ thuộc tồn quỹ; điều chuyển quỹ; an toàn kho quỹ; phối hợp đơn vị vận hành	T+0 đến T+1
3	Kích hoạt truyền thông khủng hoảng và chăm sóc khách hàng trọng yếu	Ổn định tâm lý; giảm tốc độ rút tiền; hạn chế tin đồn	Phụ thuộc tính nhất quán thông điệp; phê duyệt nhanh; phối hợp NHNN/cơ quan công quyền	T+0 đến T+7

3. Cơ chế lựa chọn và thứ tự ưu tiên

- Ưu tiên lựa chọn hành động theo tiêu chí: (i) tốc độ triển khai; (ii) quy mô tác động; (iii) mức độ phụ thuộc bên ngoài; (iv) tác động đến uy tín và mô hình kinh doanh dài hạn.
- Trong tình huống thanh khoản: ưu tiên hành động có tác động nhanh và khả thi cao (repo/cầm cố, vay LNH, điều chuyển nội bộ, hỗ trợ NHNN); sau đó đến biện pháp cấu trúc (bán/thoái tài sản, tái cơ cấu danh mục).
- Trong tình huống vốn: triển khai đồng thời biện pháp tăng vốn và giảm tài sản có rủi ro; xem xét điều chỉnh quy định phân phối lợi nhuận để tăng vùng đệm vốn.

PHỤ LỤC 4
MẪU BÁO CÁO KHẨN GỬI NHNN/HĐQT

Mục	Nội dung
1) Thông tin chung	Thời điểm báo cáo: ……; Đơn vị lập: Khối QLRR/Khối Tài chính; Người phê duyệt: TGĐ/Trưởng Ban ATTK.
2) Căn cứ kích hoạt	□ Trường hợp can thiệp sớm: (a) □ (b) □ (c) □ (d) □ (e) □ | □ Kích hoạt Kế hoạch DPTK: Cấp độ …… theo Kế hoạch DPTK.
3) Tóm tắt diễn biến	Diễn biến chính 24–72 giờ; rút tiền ròng; kênh/đơn vị/nhóm khách hàng; diễn biến thị trường.
4) Chỉ tiêu cảnh báo	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR): ……% | Lỗ lũy kế: …… | Tỷ lệ khả năng chi trả: …… | Số ngày có khả năng đáp ứng nhu cầu chi trả: …… ngày | Tài sản thanh khoản cao sẵn sàng: …… | Vay LNH/Giao dịch mua bán lại (repo)/NHNN: ……
5) Nguyên nhân sơ bộ	Nguyên nhân gốc rễ/động lực chính; thị trường/uy tín; yếu tố khác.
6) Biện pháp đã thực hiện	Theo nhóm: tạo nguồn thanh khoản; điều quỹ/ưu tiên chi trả; giảm nhu cầu vốn; truyền thông/khách hàng; CNTT/gian lận.
7) Kế hoạch hành động tiếp theo	24 giờ: …… | 07 ngày: …… | 30 ngày: …… (bao gồm các chỉ tiêu theo dõi và đơn vị chịu trách nhiệm).
8) Kiến nghị/đề xuất	Đề xuất NHNN/HĐQT: hỗ trợ thanh khoản/cơ chế repo; chấp thuận biện pháp hỗ trợ; điều chỉnh lộ trình tuân thủ…
9) Cam kết & đầu mối	Cam kết triển khai Phương án khắc phục; tăng tần suất và nội dung báo cáo theo yêu cầu. Đầu mối: …… (số điện thoại/email).

NGƯỜI LẬP **TỔNG GIÁM ĐỐC/ TRƯỞNG BAN ATTK**